TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA** Bản án số: **125**/2026/HNGĐ-ST Ngày: 29/5/2026 V/v "Ly hôn, nuôi con chung"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Thức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Trọng Phúc

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Anh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2026.

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị S**, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai Nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là UBND xã T), tỉnh Khánh Hòa. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 14/7/2016, chúng tôi tự tìm hiểu và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc hôn nhân không hòa hợp. Nay thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Lê Thùy T – sinh ngày 30/4/2011, Nguyễn Thanh T1 – sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Quốc K – sinh ngày 03/9/2017; sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu T1, cháu K cho ông D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tôi không yêu cầu ông D cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử nên không lấy được ý kiến của bị đơn.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hòa phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thùy T – sinh ngày 30/4/2011 cho bà Lê Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Thanh T1 – sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Quốc K – sinh ngày 03/9/2017 cho ông Nguyễn Văn D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, ông D và bà S không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là UBND xã T), tỉnh Khánh Hòa và được cấp chứng nhận kết hôn số 42 ngày 14/7/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình chung sống giữa bà S và ông D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt, thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông D và bà S có 03 con chung là Nguyễn Lê Thùy T – sinh ngày 30/4/2011, Nguyễn Thanh T1 – sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Quốc K – sinh ngày 03/9/2017.

Xét thấy: hiện nay cháu T1 và cháu K đang sinh sống ổn định cùng ông D; các cháu đều đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục sống với cha. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện ông D có nơi cư trú ổn định và trực tiếp chăm sóc các con trong thời gian qua, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập cho các cháu. Do đó, việc giao cháu T1 và cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quyền lợi mọi mặt của các cháu, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Lê Thùy T, cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ; xét thấy bà S có nguyện vọng và có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nên cần giao cháu T cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2/ Về con chung:

- Giao các con chung là Nguyễn Thanh T1 – sinh ngày 13/9/2013 và Nguyễn Quốc K – sinh ngày 03/9/2017 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi;

- Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Thùy T – sinh ngày 30/4/2011 cho bà Lê Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con. Sau khi

ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4/ Án phí: Bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E số: 0000558 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Lê Thị S đã nộp đủ.

5/ Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Tu Bông (GCNKH số 42 ngày 14/7/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phùng Văn Thức